

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.: 20250918/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 09 năm 2025
Ho Chi Minh City, September 18, 2025

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Tô: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ ETF name:

- Mã chứng khoán/Securities symbol:

- Tên Công ty Quản lý quỹ:
Fund Management company:

- Tên Ngân hàng giám sát/
Supervisory Bank:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date:

- Đơn vị tính lô ETF/ Unit:
- Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
FUEKIVFS

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam

17/09/2025

1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,700	7.87%
2	AGR	100	0.10%
3	APG	200	0.12%
4	BIC	200	0.28%
5	BID	400	0.88%
6	BMI	100	0.11%
7	BSI	100	0.26%
8	BVH	300	0.92%
9	CTG	1,100	3.02%
10	CTS	100	0.21%
11	DSE	200	0.31%
12	EIB	2,000	2.87%
13	EVF	1,000	0.70%
14	FTS	200	0.39%
15	HCM	400	0.57%
16	HDB	3,500	5.73%
17	LPB	3,800	8.92%
18	MBB	5,400	7.76%
19	MIG	100	0.09%
20	MSB	2,900	2.12%
21	NAB	1,800	1.44%
22	OCB	1,000	0.69%
23	ORS	400	0.32%
24	SHB	4,300	4.09%
25	SSB	2,100	2.20%
26	SSI	1,800	3.91%
27	STB	2,400	7.04%
28	TCB	5,200	10.69%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	1.95%
31	TVS	100	0.11%
32	VCB	1,200	4.11%
33	VCI	600	1.38%
34	VDS	100	0.12%
35	VIB	2,700	2.97%
36	VIX	2,000	3.97%
37	VND	1,500	1.89%
38	VPB	5,800	9.61%
	Tiền/ Cash (VND)	3,885,726	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)
- 1,909,385,000
1,913,270,726
3,885,726

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	26,400	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BIC	27,200	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BID	42,050	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	BSI	48,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
5	BVH	58,400	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
6	TCB	39,350	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCB	65,600	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
8	VCI	44,100	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Restriction on buying treasury share without registration
9	VIB	21,050	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ Difference
	17/09/2025	16/09/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	17,400,000	17,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	19,110.00	19,350.00	(240)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	332,909,106,365	331,579,262,754	1,329,843,611
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,913,270,726	1,905,627,946	7,642,780
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	19,132.70	19,056.27	76.43
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	3,237.38	3,280.08	(42.70)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại
(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

16/09/2025
15/09/2025

/ Item 5 is net asset value at 16/09/2025
/ Item 5 is net asset value at 15/09/2025

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC